



MÔ HÌNH ĐÀO TẠO NGHỀ CHO LAO ĐỘNG NÔNG THÔN GẮN VỚI NHU CẦU THỰC TẾ CỦA DOANH NGHIỆP Ở TRUNG TÂM DẠY NGHỀ

• ThS. NGÔ PHAN ANH TUẤN

Trung tâm Dạy nghề huyện Định Quán, Đồng Nai

Việc đào tạo nghề gắn với nhu cầu thực tế của doanh nghiệp, nhất là đào tạo nghề cho lao động nông thôn ở các trung tâm dạy nghề (TTDN) là vấn đề hết sức mới mẻ. Mặc dù nhận thức được lợi ích của việc hợp tác giữa cơ sở dạy nghề (CSDN) và doanh nghiệp (DN), nhưng chúng ta còn nhiều lúng túng, chưa định hướng được một chiến lược phát triển rõ ràng, một mô hình hợp tác như thế nào cho có hiệu quả.

Nghị quyết “Về đổi mới và phát triển dạy nghề đến năm 2020” đã chỉ rõ: “Đổi mới dạy nghề theo hướng chuyển mạnh từ dạy nghề theo năng lực đào tạo sẵn có của CSDN sang dạy nghề theo nhu cầu của DN và xã hội; gắn dạy nghề với chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của cả nước, từng vùng, từng ngành, từng địa phương và gắn dạy nghề với tạo việc làm của lao động xã hội”

Là một trong số các trung tâm kiểu mẫu về dạy nghề cho lao động nông thôn, Trung tâm dạy nghề Định Quán, tỉnh Đồng Nai cần đổi mới tư duy, quan tâm tìm kiếm, lựa chọn những mô hình đào tạo nghề lao động nông thôn gắn với nhu cầu thực tế của doanh nghiệp, nhằm nâng cao hiệu quả đào tạo, thực hiện tốt nhiệm vụ được giao.

1. Tính tất yếu của đào tạo nghề gắn với nhu cầu của DN

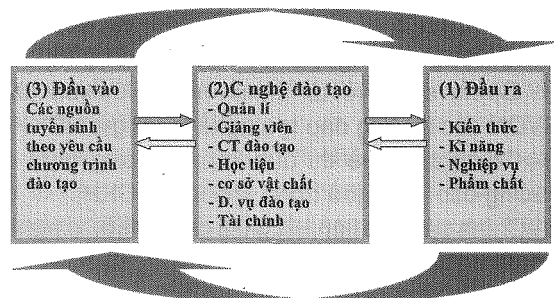
Đào tạo nghề gắn với nhu cầu của DN là xu hướng tất yếu trong cơ chế thị trường. Việc gắn kết này sẽ mang lại nhiều lợi ích cho cả CSDN và DN. Đây cũng là nhiệm vụ hết sức quan trọng quyết định sự tồn tại và phát triển của các CSDN, vì mục đích cuối cùng của người lao động là sau khi học nghề phải có một việc làm và thu nhập ổn định bằng chính nghề nghiệp mà họ đã được học. Mục tiêu đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020” đặt ra là tỉ lệ học viên tốt nghiệp có việc làm phải đạt trên 80%.

Quá trình công nghiệp hóa – hiện đại hóa nông thôn sẽ chuyển dịch từ nông dân sản xuất truyền thống sang nông dân sản xuất hiện đại; chuyển dịch lao động nông nghiệp sang lao động phi nông nghiệp hoặc lao động phi nông nghiệp ở nông thôn trở thành lao động công nghiệp tại các khu công nghiệp.

2. Các mô hình đào tạo nghề gắn với nhu cầu của DN

2.1. Mô hình chung

Điểm khác biệt quan trọng giữa đào tạo gắn với nhu cầu của DN so với phương thức đào tạo truyền thống là căn cứ vào đầu ra để lựa chọn công nghệ đào tạo và đầu vào phù hợp. Từng vị trí công việc trong doanh nghiệp sẽ yêu cầu phải có kiến thức gì, kĩ năng, nghiệp vụ nào và những phẩm chất nghề nghiệp cần thiết ra sao. Mặt khác, căn cứ vào chiến lược phát triển của doanh nghiệp qua các năm sẽ dự báo được nhu cầu về số lượng, lao động cần thiết của doanh nghiệp, nhờ đó cơ sở dạy nghề tính toán được quy mô, cơ cấu ngành nghề, trình độ đào tạo hợp lí. (Xem hình 1)



Hình 1. Mô hình quy trình đào tạo gắn với nhu cầu của doanh nghiệp

2.2. Một số mô hình cụ thể

- 1) Liên kết với DN để giới thiệu việc làm cho học viên (HV) sau khi tốt nghiệp.
- 2) Các DN đầu tư chi phí đào tạo cho HV và tiếp nhận HV sau khi tốt nghiệp.
- 3) Mở cơ sở đào tạo trong DN để cung ứng cho chính DN đó.
- 4) Mô hình gắn kết bốn nhà: Nhà trường - DN - Nhà quản lí - Nhà khoa học.
- 5) Mô hình đào tạo cơ bản tại trường và thực tập nâng cao tay nghề tại DN.
- 6) Phối hợp với DN, hợp tác xã (HTX) tổ chức dạy nghề và tiếp nhận HV sau khi tốt nghiệp.
- 7) Kết hợp mở xưởng thực hành và làm dịch vụ sản xuất tại CSDN.



8) Những mô hình đào tạo phù hợp với lao động nông thôn:

8.a) Đối với lao động trong các vùng chuyên canh: Tổ chức dạy nghề cho các nghề chuyên canh. Trong quá trình thực hiện có sự tham gia của các DN chuyên ngành.

8.b) Đối với lao động thuần nông: Tổ chức dạy nghề cho lao động thuần nông. Trong quá trình thực hiện có sự tham gia của các CSDN, các đoàn thể, hội nghề nghiệp ở địa phương.

8.c) Đối với lao động trong các làng nghề: Tổ chức dạy nghề cho lao động ở các làng nghề. Trong quá trình thực hiện có sự tham gia của các nghệ nhân làng nghề.

8.d) Đối với lao động chuyển đổi nghề: Tổ chức dạy nghề gắn với giải quyết việc làm (GQVL) trong nước (thông qua các dự án cho vay vốn GQVL giảm nghèo và xuất khẩu lao động (XKLD)). Trong quá trình thực hiện có sự phối hợp của các DN và giám sát của địa phương.

3. Thực trạng đào tạo nghề lao động nông thôn gắn với nhu cầu thực tế của DN ở TTDN huyện Định Quán

3.1. Các doanh nghiệp và mô hình hợp tác đào tạo với trung tâm: (Xem hình 2)

3.2. Ưu điểm:

- Đã có trên 70% HV được giải quyết việc làm mới hoặc ổn định việc làm, góp phần làm chuyển dịch cơ cấu kinh tế và cơ cấu lao động của huyện.

- Từng bước tạo được niềm tin ở người lao động, quy mô đào tạo ngày càng mở rộng. Mô hình đào tạo nghề gắn với doanh nghiệp từng bước đã trở thành phương châm hoạt động của trung tâm.

- Bước đầu đã tạo được thương hiệu của một số nghề chủ lực, được các tỉnh, huyện bạn mời liên kết dạy nghề nông thôn và kí kết được nhiều hợp đồng đào tạo và cung ứng lao động với các doanh nghiệp.

3.3. Hạn chế:

Mô hình liên kết chưa thật chặt chẽ, chưa đa dạng, chưa hoàn chỉnh, chưa thực sự phù hợp, hiệu quả còn

hạn chế. Tỷ lệ lao động ổn định việc làm sau đào tạo chưa cao.

3.4. Nguyên nhân:

- Chưa có sự kết hợp với các ban ngành, đoàn thể, nên chưa hỗ trợ giải quyết việc làm tại chỗ cho HV sau đào tạo.

- Mô hình hợp tác với các DN chưa cụ thể hóa thành một quy trình cụ thể. Chưa có sự tham gia của DN trong việc xây dựng chương trình và đánh giá kết quả học tập của HV. Chưa làm tốt việc theo dõi học viên sau đào tạo.

- Cán bộ quản lý của trung tâm còn thiếu kinh nghiệm, chưa có tư duy mới về đào tạo nghề cho lao động nông thôn.

4. Lựa chọn mô hình trong đào tạo nghề lao động nông thôn gắn với nhu cầu thực tế của doanh nghiệp

4.1. Tư duy mới về đào tạo nghề lao động nông thôn gắn với nhu cầu thực tế của DN

- Phải xuất phát từ thực tiễn sản xuất ở địa phương và nhu cầu của thị trường lao động để xây dựng chiến lược đào tạo của trung tâm. Lấy việc ổn định việc

STT	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ	Ngành nghề đào tạo	Mô hình liên kết đào tạo
I	Hiện nay			
1	HTX nông nghiệp Long Hoa	TP.HCM	Làm nấm	Mô hình 4
2	TT công nghệ sinh học thực vật	BỘ NN&PTNT	Làm nấm	Mô hình 4
3	DN tư nhân Lâm Sơn	Lâm Đồng	Đan lát	Mô hình 6
4	Cty Taiwan - Vina	Biên Hòa	Máy công nghiệp	Mô hình 1
5	Cty TNHH Liên Hoa	Xuân Lộc	Máy dân dụng	Mô hình 7
6	Cty tin học Việt Tiến	Biên Hòa	Tin học	Mô hình 7
7	Cty hóa chất 114	Biên Hòa	Hàn	Mô hình 1
8	TCT phát triển nhà	Hà Nội	Hàn - XKLD	Mô hình 8.d
II	Dự kiến năm tới			
9	Cty ô tô Trần Hữu	Biên Hòa	Sửa chữa ô tô	Mô hình 7
10	TT tư vấn, hỗ trợ nông nghiệp	TP.HCM	Nuôi trùn, rau sạch	Mô hình 4
11	Cơ sở mộc mỹ nghệ Thành Nhân	Trảng Bom	Mộc mỹ nghệ	Mô hình 6
12	Cơ sở sinh vật cảnh Xuân Cường	TP.HCM	Sinh vật cảnh	Mô hình 4
13	Cty đường La Ngà	Định Quán	Trồng mía	Mô hình 8.a
14	Nông trường cao su Túc Trưng	Định Quán	Trồng cao su	Mô hình 3
15	Cty Phú Mỹ Lộc	Hà Nội	Đúc đồng	Mô hình 8.c
16	Ban chỉ đạo giảm nghèo huyện	Định Quán	Chăn nuôi	Mô hình 8.d
17	Ban quản lí các khu công nghiệp	Đồng Nai	Mộc dân dụng, bảo trì cơ khí	Mô hình 2

Hình 2: Các doanh nghiệp và mô hình hợp tác đào tạo với trung tâm



làm cho HV làm thước đo chủ yếu để đánh giá hiệu quả đào tạo nghề cho lao động nông thôn.

- Phải có sự thống nhất về khái niệm DN bao gồm: Các DN lớn, vừa và nhỏ, kể cả kinh tế của hộ gia đình. Quan điểm giải quyết việc làm bao gồm: Vào làm việc tại các DN, tự mở điểm sản xuất kinh doanh (SXKD), hỗ trợ cung ứng giống, vật tư và bao tiêu sản phẩm cho HV, HV biết áp dụng những kiến thức, kĩ năng nghề đã học vào thực tế sản xuất, để tăng năng suất lao động, chất lượng sản phẩm, tận dụng được thời gian lao động nhàn rỗi, tăng được thu nhập cho người lao động.

- Phải giúp người lao động nông thôn thoát khỏi tư tưởng tiểu nông, biết tự giác kết hợp với nhau thành từng nhóm theo mô hình hợp tác xã, trang trại hay tập đoàn, ở đó có sự phân công lao động rõ ràng.

- Phải linh hoạt trong việc lựa chọn mô hình đào tạo gắn với DN cho phù hợp với khả năng của DN, tình hình thực tế của thị trường lao động và tiêu thụ sản phẩm.

4.2. Các tiêu chí đánh giá hiệu quả đào tạo nghề cho lao động nông thôn gắn với DN

- Số lượng học viên được đặt hàng theo hợp đồng đào tạo.
- Số lượng lao động vào làm việc ở các DN.
- Số lượng HV được ổn định việc làm, tăng được thu nhập.
- Số học HV tự mở cơ sở SXKD.
- Số chương trình được các DN tham gia góp ý xây dựng.
- Thời gian và số lượng HV được thực hành, thực tập nghề tại DN.

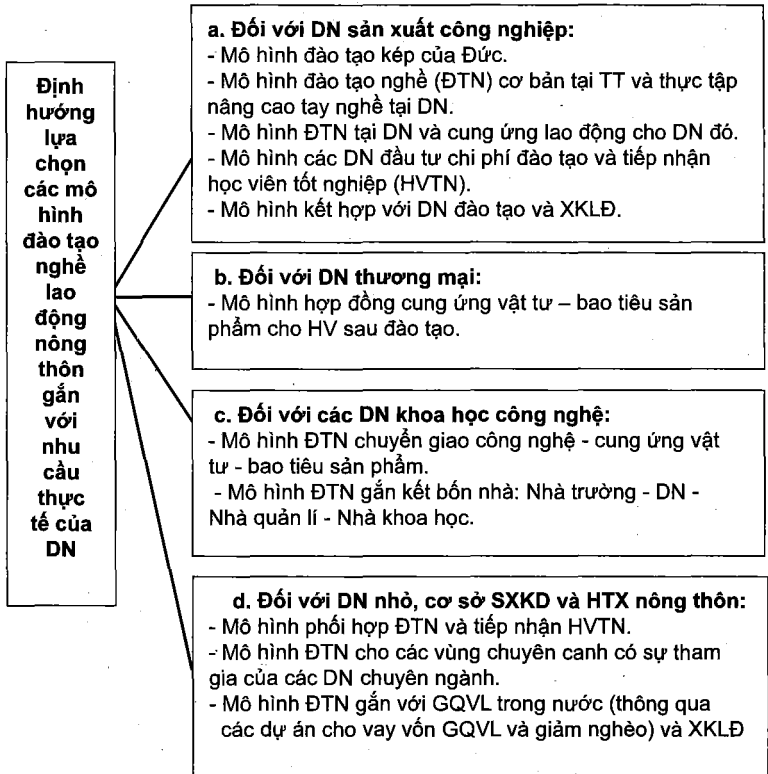
4.3. Định hướng lựa chọn các mô hình đào tạo nghề lao động nông thôn gắn với nhu cầu thực tế của DN ở TTDN Định Quán.

Tùy theo ngành nghề đào tạo và khả năng của các DN liên kết hợp tác và tùy theo điều kiện thực tế sản xuất, địa bàn đào tạo, đối tượng học viên và khả năng, nguồn lực của trung tâm có thể linh hoạt lựa chọn mô hình đào tạo nghề lao động nông thôn gắn với nhu cầu thực tế của DN theo các hướng sau đây: (Xem hình 3)

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Thủ tướng Chính phủ, *Quyết định số 1956/2009/QĐ-*

Hình 3: Định hướng lựa chọn các mô hình đào tạo nghề ở nông thôn



TTg phê duyệt đề án "Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020", Hà Nội, 2009.

2. Chính Phủ, *Nghị quyết "Về đổi mới và phát triển dạy nghề đến năm 2020", Hà Nội, 2009.*

3. Mạc Tiên Anh, *Nghiên cứu một số mô hình đào tạo nghề cho lao động nông thôn*, Tổng cục Dạy nghề, Hà Nội, 2010.

4. Phùng Xuân Nhạ, *Mô hình đào tạo gắn với nhu cầu của doanh nghiệp ở Việt Nam hiện nay*, Đại học Quốc gia Hà Nội, 2008.

5. Đặng Văn Thành, *Nghiên cứu xây dựng mô hình đào tạo nghề gắn với thị trường lao động*, Trường Đại học Sư phạm, Hà Nội, 2005.

6. Trần Khánh Đức, *Giáo dục và phát triển nguồn nhân lực trong thế kỉ XXI*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2010.

SUMMARY

The linkage between vocational training and business demands is an indispensable trend in the market economy. This linkage will profit both vocational training institutions and businesses. This is also a decisive factor to the existence and development of vocational training institutions. Being aware of this, the author introduces some models of linkage between rural vocational training and business in Dinh Quan Vocational training centre, Dong Nai province.